

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM SỐ 10 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam số 10 năm 2017.

1. Đánh giá kết quả tạo hình tai trong điều trị dị tật tai nhỏ bẩm sinh tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức/ Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Hồng Hà// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 1 – 4

Tóm tắt: Dị tật tai nhỏ bẩm sinh là một tổn thương phức tạp, có thể có nhiều dạng, từ một vài di tích của sụn vành tai cho đến biến mất toàn bộ vành tai. Cấu trúc giải phẫu đặc biệt của tai cũng như hình thể 3 chiều của nó khiến cho việc tạo hình tai luôn là thách thức cho các phẫu thuật viên tạo hình. Trong bài báo này, các tác giả đánh giá kết quả phẫu thuật tạo hình tai nhỏ bằng sụn sườn tự thân theo 2 thì tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức từ năm 2008 đến 2016. Tất cả các bệnh nhân (BN) và gia đình đều hài lòng với kết quả ngay sau phẫu thuật. Với tỷ lệ biến chứng thấp, kết quả thẩm mỹ và mức độ hài lòng cao của người bệnh đã chứng tỏ kỹ thuật này là một trong những lựa chọn tối ưu trong điều trị tạo hình tai.

Từ khóa: Dị tật tai; Tai nhỏ bẩm sinh; Tạo hình tai

2. Ảnh hưởng của những thông số kỹ thuật trong phương pháp hydrat hóa màng phim lipid lên kích thước tiểu phân liposome piroxicam/ Lê Thanh Diễm, Trịnh Thị Thu Loan, Trần Văn Thành// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 5 – 10

Tóm tắt: Piroxicam là một thuốc kháng viêm thuộc dẫn chất oxicam thường được chỉ định trong điều trị bệnh viêm đa khớp, cứng khớp... Tuy nhiên, tác dụng phụ trên hệ tiêu hóa là rất lớn, đặc biệt tình trạng loét dạ dày tá tràng. Vì vậy dạng liposome piroxicam được bào chế bằng phương pháp hydrat hóa màng phim lipid sẽ giúp làm giảm tác dụng phụ của piroxicam. Có nhiều thông số kỹ thuật ảnh hưởng đến sự hình thành liposome như nhiệt độ cô quay, thời gian cô quay, lượng lipid, nhiệt độ hydrat hóa và thời gian hydrat hóa. Do đó để xây dựng quy trình bào chế liposome, các thông số kỹ thuật trong quá trình bào chế được khảo sát để đánh giá sự ảnh hưởng và xác định các thông số kỹ thuật bào chế phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mẫu liposome được khuấy tốc độ cao với thiết bị Ultra Turrax có kích thước tiểu phân và dãy phân bố kích thước giảm rõ rệt; siêu âm giúp kích thước tiểu phân nhỏ hơn và phân bố hẹp hơn. Thời gian siêu âm càng dài thì phân bố kích thước càng hẹp, kích thước tiểu phân càng giảm.

Từ khóa: Hydrat hóa màng phim; Liposome; Piroxicam

3. Nghiên cứu đặc điểm di truyền tế bào của bọ xít hút máu *Triatoma rubrofasciata* ở miền Trung Việt Nam/ Hồ Việt Hiếu, Lê Thành Đô, Tạ Phương Mai, ...// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 11 – 14

Tóm tắt: *Triatoma rubrofasciata* là một loài bọ xít hút máu (BXHM) thuộc phân họ Triatominae phân bố rộng trên thế giới. Phân họ Triatominae gồm hơn 150 loài, bao gồm vector chính truyền bệnh Chagas. Ở Việt Nam, các nhà khoa học đã thu thập được loài *T. rubrofasciata* ở 21 tỉnh/thành phố. Đặc biệt, loài bọ xít này xuất hiện trong khu dân cư ở các thành phố và các tỉnh miền Trung: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quy Nhơn, Nha Trang... Nghiên cứu những đặc tính sinh học của loài BXHM *T. rubrofasciata* là cần thiết để góp phần đề xuất các biện pháp phòng chống loài côn trùng hút máu nguy hiểm này. Nghiên cứu di truyền tế bào, cấu trúc bộ nhiễm sắc thể góp phần tìm hiểu nguồn gốc, định danh loài và so sánh với các công bố trước. Trong nghiên cứu này, cấu trúc, số lượng bộ nhiễm sắc thể của loài BXHM *T. rubrofasciata* ở miền Trung Việt Nam đã được nghiên cứu bằng kỹ thuật nhuộm băng C. Nghiên cứu đã xác định bộ nhiễm sắc thể của *T. rubrofasciata* ở miền Trung là $2n = 25$ với 22 nhiễm sắc thể thường và 3 nhiễm sắc thể giới tính ($2n = 22A + X1X2Y$).

Từ khóa: Bọ xít hút máu *Triatoma rubrofasciata*; Miền Trung; Nhiễm sắc thể; Nhuộm băng C; Việt Nam

4. Nghiên cứu sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống lúa có khả năng chịu hạn/ Phan Thị Phương Nhi, Trần Thị Hương Sen// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 15 – 19

Tóm tắt: Nghiên cứu sử dụng 10 giống lúa được thu thập ở nhiều nơi khác nhau nhằm đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển, tính chịu hạn và năng suất của chúng. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu khối hoàn toàn ngẫu nhiên (RCB), mỗi giống có 3 lần nhắc lại. Các chỉ tiêu theo dõi được thực hiện theo đúng quy chuẩn về nghiên cứu cây lúa. Kết quả nghiên cứu đã tuyển chọn được 2 giống OM4900 và IR93340 có thời gian sinh trưởng ngắn (92-97 ngày), sinh trưởng và phát triển tốt, các chỉ tiêu về hình thái cây lúa và chất lượng gạo đạt yêu cầu, có khả năng chống chịu hạn, năng suất khá cao, đạt 56 tạ/ha (OM4900) và 56,33 tạ/ha (IR93340).

Từ khóa: Giống; Lúa chịu hạn; Năng suất

5. Ảnh hưởng của giá thể, nồng độ benzyladenine và loại hom đến sự sinh trưởng của hom giâm cây rau cần nước (*Oenanthe javanica* (Blume) DC.)/ Nguyễn Thị Hoàng, Phạm Thị Minh Tâm, Nguyễn Thị Thùy Loan, Nguyễn Thị Quỳnh Thuận// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 20 – 24

Tóm tắt: Cần nước là loại rau thủy sinh đã được trồng, sử dụng rộng rãi ở Việt Nam và chủ yếu được nhân giống vô tính bằng giâm hom. Giá thể giâm hom, loại hom giâm và

việc xử lý hom giâm bằng BA ở nồng độ thích hợp là những yếu tố quyết định đến sự sinh trưởng của hom giâm. Kết quả thí nghiệm cho thấy hom thân là vật liệu tốt nhất để nhân giống vô tính cây rau cần nước. Hom thân được phun BA nồng độ 5 ppm và giâm trên giá thể 5/6 xơ dừa + 1/6 phân vi sinh (PVS) có tỷ lệ sống cao (81,18%) và tỷ lệ cây đạt tiêu chuẩn xuất vườn cao (64,12%).

Từ khóa: BA; Giá thể; Loại hom; Rau cần nước

6. Nghiên cứu chọn tạo 4 dòng gà chuyên trứng cao sản/ Nguyễn Quý Khiêm, Phạm Thùy Linh, Phùng Đức Tiến, ...// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 25 – 31

Tóm tắt: Nghiên cứu này đi từ nguyên liệu gà chuyên trứng Tetra-SL nhập nội và gà lông màu hướng trứng HA hiện có, sử dụng phương pháp lai cấp tiến tạo gà lai 3/4 máu ngoại, tiến hành ngẫu giao qua các hệ hệ, chọn lọc theo đặc điểm ngoại hình và năng suất trứng để tạo dòng mới. Kết quả chọn tạo qua 4 thế hệ như sau: 1) Dòng gà GT1: Với ly sai chọn lọc 12,23-18,45 quả, hệ số di truyền 0,15-0,19, hiệu quả chọn lọc là 1,83-3,5 quả; 2) Dòng gà GT2: Với ly sai chọn lọc 13,71-17,76 quả, hệ số di truyền 0,16-0,19, hiệu quả chọn lọc thu được là 2,22-3,37 quả; 3) Dòng gà GT3: Với ly sai chọn lọc 10,91-15,53 quả, hệ số di truyền 0,14-0,21, hiệu quả chọn lọc thu được là 1,53-2,95 quả; 4) Dòng gà GT4: Với ly sai chọn lọc 13,04-15,05 quả, hệ số di truyền 0,12-0,15, hiệu quả chọn lọc thu được là 1,56-2,02 quả. Khả năng sinh sản của 4 dòng gà: Năng suất trứng/mái/68 tuần tuổi dòng gà GT1 là 247,43 quả, GT2 là 246,48 quả, GT3 là 244,38 quả và GT4 là 242,07 quả, đều đạt được mục tiêu của đề tài. Trứng gà GT có tỷ lệ lòng đỏ đạt 30,10-30,61%, tỷ lệ phôi đạt trung bình 95,01-98,02%, tỷ lệ nở/tổng trứng ấp 78,84-82,66%, tỷ lệ nở/trứng có phôi 82,86-85,74%.

Từ khóa: Chọn tạo; Gà chuyên trứng GT; Năng suất trứng

7. Ảnh hưởng của mật độ ương đến sinh trưởng, tỷ lệ sống của cá hồng Mỹ (*Sciaenops ocellatus* Linnaeus, 1766) từ giai đoạn ấu trùng lên cá giống/ Ngô Văn Mạnh, Lại Văn Hùng, Hoàng Thị Thanh// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 32 – 36

Tóm tắt: Hai thí nghiệm với hai giai đoạn (ấu trùng và cá giống) được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng của mật độ nuôi đến sinh trưởng, tỷ lệ sống của cá hồng Mỹ. Thí nghiệm giai đoạn 1 thả nuôi với mật độ 20, 30, 40 và 50 ấu trùng/l, thời gian thí nghiệm được kéo dài trong 30 ngày. Kết quả cho thấy, mật độ nuôi ảnh hưởng đến sinh trưởng và tỷ lệ sống giai đoạn này ($p < 0,05$). Sinh trưởng, tỷ lệ sống thấp nhất ở mật độ ương 50 con/l và không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các mật độ 20 đến 40 con/l. Ở giai đoạn 2, cá giống cỡ 21,9 mm, khối lượng 0,14 g được nuôi với các mật độ 2, 2,5, 3, 3,5 và 4

con/l trong 28 ngày cho thấy, sinh trưởng và tỷ lệ sống ảnh hưởng bởi mật độ ương và mật độ ương phù hợp nhất ở giai đoạn này là 3,5 con/l.

Từ khóa: Ấu trùng; Cá giống; Cá hồng Mỹ; Mật độ nuôi; *Sciaenops ocellatus*

8. Tạo mô sẹo để tái sinh phôi soma của cây cà phê chè giống TN1/ Nguyễn Văn Thường, Trần Thị Hoàng Anh, Nguyễn Văn Phương, ...// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 37 – 40

Tóm tắt: Tạo mô sẹo để tái sinh phôi là công đoạn đầu tiên trong sản xuất in vitro cây giống cà phê. Bài viết giới thiệu kết quả nghiên cứu được thực hiện trên giống cà phê chè TN1 với 4 nội dung, gồm: 1) Xác định phương pháp khử trùng mẫu lá; 2) Xác định ảnh hưởng chất kích thích sinh trưởng lên quá trình phát sinh mô sẹo từ mẫu lá; 3) Đánh giá khả năng nhân sinh khối mô sẹo trên môi trường lỏng lắ; 4) Xác định điều kiện nuôi cấy đến quá trình tái sinh phôi từ mô sẹo trên môi trường lỏng. Kết quả cho thấy, tỷ lệ mẫu vô trùng đạt cao nhất khi khử trùng bằng dung dịch calcium hypochlorite 10% trong thời gian 15 phút. Môi trường MS có bổ sung 2,4D 1 mg/l, Kin 2 mg/l cho số mẫu lá tạo mô sẹo nhiều nhất và mô sẹo có đặc trưng vàng chanh, cứng, có khả năng phát sinh phôi. Môi trường 1/2 MS bổ sung 2ip 0,5 mg/l giúp tăng sinh khối mô sẹo tốt nhất. Phôi tái sinh mạnh nhất trong môi trường 1/2 MS lỏng không chất kích thích sinh trưởng.

Từ khóa: Cà phê chè; Khử trùng; Mô sẹo; Phôi soma; Tái sinh

9. Nhận thức về biểu hiện, nguyên nhân và cách điều trị rối loạn trầm cảm ở người bệnh/ Giang Ngọc Thụy Vy, Trần Thanh Nam// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 41 – 47

Tóm tắt: Nghiên cứu đánh giá nhận thức về biểu hiện, nguyên nhân và cách điều trị đối với rối loạn trầm cảm trên bệnh nhân mắc rối loạn này. Bảng hỏi khảo sát được thu thập trên 109 bệnh nhân trầm cảm tới điều trị lần đầu tại Viện Sức khỏe tâm thần - VSKTT (Bệnh viện Bạch Mai) và Bệnh viện Tâm thần TP Hồ Chí Minh (BVTTTPHCM) theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có khoảng 16% người bệnh có thể nói tên bệnh của mình chính xác là rối loạn trầm cảm. Các biểu hiện thường được nhận diện cho rối loạn trầm cảm là vấn đề về giấc ngủ, giảm chú ý và các vấn đề thực thể. Người bệnh tin nguyên nhân gây ra trầm cảm gồm nguyên nhân tâm lý, sinh học và xã hội. Hầu hết bệnh nhân muốn tìm kiếm sự trợ giúp cho vấn đề của mình (80,7%) nhưng phổ biến nhất là tìm sự giúp đỡ của bác sĩ tâm thần và thuốc (56,9%) và sau đó là từ gia đình hay tự giúp mình (44%). Nghiên cứu chỉ rõ kiến thức của bệnh nhân trầm cảm về triệu chứng, nguyên nhân và cách điều trị có tương quan thuận với mức độ hoạt động chức năng của bệnh nhân, nguồn thông tin bệnh nhân được tiếp cận trước đó. Mức độ hoạt động chức năng là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng nhận diện triệu chứng, nguyên nhân và cách can thiệp điều trị trầm cảm ở bệnh nhân.

Từ khóa: Bệnh nhân; Nhận thức; Trầm cảm

10. Tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tiếp cận từ chính sách tiền lương/ Đoàn Thị Yến, Nguyễn Thị Hồng// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 48 – 52

Tóm tắt: Trách nhiệm xã hội (TNXH) là thuật ngữ tương đối mới không chỉ đối với cá nhân mà còn đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam. Với sự tham gia của Việt Nam vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007, TNXH doanh nghiệp đang nhận được nhiều mối quan tâm từ các doanh nghiệp bởi đó là điều kiện cần thiết để các doanh nghiệp có thể phát triển bền vững, đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng và các đối tác trong, ngoài nước. Từ năm 2005, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tổ chức giải thưởng “TNXH - hướng tới sự phát triển bền vững” để vinh danh các doanh nghiệp chủ động thực hiện TNXH trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể nói rằng, TNXH là một yêu cầu đối với các doanh nghiệp và họ không thể tiếp cận thị trường quốc tế mà không thực hiện TNXH. Trên cơ sở kết quả khảo sát 50 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội về thực hiện TNXH, các tác giả đã đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị nhằm góp phần tăng cường TNXH doanh nghiệp về lĩnh vực tiền lương.

Từ khóa: Chính sách tiền lương; Trách nhiệm xã hội

11. Quan điểm của C. Mác về phân phối theo lao động và vấn đề phân phối theo lao động ở Việt Nam hiện nay/ Phạm Văn Hưng// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 53 – 59

Tóm tắt: Theo C. Mác, phân phối theo lao động là nguyên tắc phân phối chủ đạo nhằm đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa, là một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội; thực hiện phân phối theo lao động nhằm thực hiện công bằng xã hội. Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, cần giữ vững nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời vận dụng, kết hợp với các hình thức phân phối khác nhằm thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

Từ khóa: C. Mác; Công bằng; Phân phối theo lao động

12. Truyện ngắn đương đại Nam Bộ từ góc nhìn phê bình sinh thái tinh thần/ Nguyễn Thị Kim Tiến// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 10/2017 .- Tr. 60 – 64

Tóm tắt: Phê bình sinh thái xuất hiện vào những năm 70 của thế kỷ XX. Trong viễn cảnh nguy cơ môi trường toàn cầu như hiện nay, phê bình sinh thái càng có một vị thế đặc biệt khi đó là một hình thức nghiên cứu có tính liên ngành. Trong các phương diện của nó, phê bình sinh thái tinh thần vừa lấy tư tưởng sinh thái làm trung tâm, mặt khác xem đời sống tinh thần xã hội là bối cảnh của sáng tạo văn học, thúc đẩy vườn ươm sáng tạo nghệ

thuật. Bài viết tiếp cận truyện ngắn đương đại Nam Bộ từ mối tương quan giữa các yếu tố bên trong tinh thần và lý giải mối quan hệ giữa tinh thần và những yếu tố bên ngoài nó từ bình diện sinh thái.

Từ khóa: Nam Bộ; Phê bình sinh thái; Tinh thần; Truyện ngắn

Trung tâm Thông tin Thư viện